

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 – 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 – 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 – 51

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi một (21) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 12 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết ("Tập đoàn") như được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11 công ty con và 2 công ty liên kết). Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 39 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía đường và cọ dầu; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Lê Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Pornchai Lueang-a-papong	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Văn Tồn	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2013
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rõ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trà Văn Hàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sự.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752790/16353993

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 51 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra báo cáo chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của toàn Tập đoàn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 0048-2013-004-1

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.678.960.544	9.489.203.945
110	I. Tiền	4	1.770.176.886	782.646.261
111	1. Tiền		1.770.176.886	782.646.261
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.071.990.472	7.775.903.721
131	1. Phải thu khách hàng	6	260.110.634	266.835.767
132	2. Trả trước cho người bán	7	142.281.607	107.568.998
135	3. Các khoản phải thu khác	8	8.669.611.300	7.402.120.175
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.069)	(621.219)
140	IV. Hàng tồn kho	9	567.270.954	646.499.720
141	1. Hàng tồn kho		567.270.954	646.499.720
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		187.738.992	202.371.003
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.849.530	56.837.147
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.315.506	37.860.498
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	169.573.956	107.673.358
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.998.384.074	10.772.593.790
220	I. Tài sản cố định		638.253.178	640.604.526
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	354.232.432	345.739.629
222	Nguyên giá		439.470.034	429.242.966
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(85.237.602)	(83.503.337)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	94.272.978	94.672.684
228	Nguyên giá		96.605.812	97.119.811
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.332.834)	(2.447.127)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	189.747.768	200.192.213
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		10.318.818.462	9.994.731.350
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	10.024.143.133	9.697.066.228
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	12.500.000	12.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	288.175.329	285.165.122
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	16	(6.000.000)	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		41.312.434	137.257.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	40.844.874	136.460.631
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	-	329.723
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.677.344.618	20.261.797.735

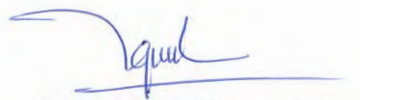
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2013


Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.841.762.139	10.975.961.313
310	I. Nợ ngắn hạn		6.372.607.300	3.982.833.741
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.479.380.920	1.079.799.184
312	2. Phải trả cho người bán	19	91.560.642	207.047.462
313	3. Người mua trả tiền trước	20	601.888.280	289.313.258
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	34.039.501	38.671.150
315	5. Phải trả người lao động		7.841.334	6.663.713
316	6. Chi phí phải trả	22	310.584.448	367.970.286
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	2.794.636.864	1.939.686.048
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.675.311	53.682.640
330	II. Nợ dài hạn		4.469.154.839	6.993.127.572
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.562.923	7.592.007
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	4.461.591.916	6.985.535.565
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.835.582.479	9.285.836.422
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	11.835.582.479	9.285.836.422
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	5.373.710.490
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		227.739.764	223.672.692
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		873.234.264	798.857.935
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.677.344.618	20.261.797.735

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$)	75.675	70.683


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	584.436.695	1.180.445.444
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(222.227)	(157.877)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	584.214.468	1.180.287.567
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(504.191.270)	(1.062.740.179)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.023.198	117.547.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	675.654.648	534.112.818
22	7. Chi phí tài chính	28	(550.691.564)	(455.272.634)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(511.569.750)	(407.745.781)
24	8. Chi phí bán hàng		(30.391.345)	(29.200.852)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(43.203.971)	(39.668.548)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		131.390.966	127.518.172
31	11. Thu nhập khác	29	5.255.664	6.387.945
32	12. Chi phí khác	29	(19.488.354)	(44.946.408)
40	13. Lỗ khác	29	(14.232.690)	(38.558.463)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		117.158.276	88.959.709
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(35.487.109)	(43.731.484)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	30.2	(329.723)	931.501
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		81.341.444	46.159.726


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

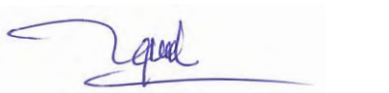
Ngàn VNĐ


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		117.158.276	88.959.709
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	11, 12	11.654.436	10.671.877
03	Các khoản dự phòng		5.391.850	608.150
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(4.151.924)	837.734
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(671.001.310)	(529.022.066)
06	Chi phí đi vay	28	511.569.750	407.745.781
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(29.378.922)	(20.198.815)
09	Giảm các khoản phải thu		872.300.504	2.239.055
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		79.228.766	(66.784.896)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(67.077.005)	647.910.220
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		45.321.737	(9.099.891)
13	Tiền lãi vay đã trả		(561.783.388)	(207.269.170)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(4.241.016)	(187.093.044)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.457.803)	(13.719.973)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		330.912.873	145.983.486
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(18.392.931)	(98.691.261)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	4.574.254
23	Tiền chi cho vay		-	(1.362.921.823)
24	Tiền thu hồi cho vay		558.414.489	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.735.317.322)	(950.179.651)
26	Tiền thu hồi bán lại các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		270.000.000	122.025.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		131.914.325	476.010.082
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(793.381.439)	(1.809.183.399)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.052.599.770	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận		2.191.397.679	3.122.944.574
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.793.998.258)	(1.640.443.468)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.449.999.191	1.482.501.106

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		987.530.625	(180.698.807)
60	Tiền đầu kỳ		782.646.261	2.334.979.337
70	Tiền cuối kỳ		1.770.176.886	2.154.280.530


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi một (21) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 12 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (“Tập đoàn”) như được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11 công ty con và 2 công ty liên kết). Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 39 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía đường và cọ dầu; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng*

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 15.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi lập các bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ đến các báo cáo tài chính tổng hợp vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 là không trọng yếu, xét trên khía cạnh tổng thể.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.8 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.13 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị hợp lý tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Số tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các kỳ trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty tiếp tục sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này do Thông tư 179 được ban hành sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 và được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

► *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác. v.v.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.768.624.615	780.985.450
Tiền mặt tại quỹ	1.372.819	1.587.335
Tiền đang chuyển	179.452	73.476
TỔNG CỘNG	<u>1.770.176.886</u>	<u>782.646.261</u>

Công ty đã thế chấp 1.074.970 triệu VNĐ tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Định (*Thuyết minh số 18*).

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chủ yếu thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	101.139.964	149.481.784
Phải thu tiền bán căn hộ	91.137.150	87.355.528
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	67.833.520	29.998.455
TỔNG CỘNG	<u>260.110.634</u>	<u>266.835.767</u>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 135.404.879 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh số 31*).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	102.724.581	86.453.704
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	39.557.026	21.115.294
TỔNG CỘNG	<u>142.281.607</u>	<u>107.568.998</u>

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản trả trước cho các bên liên quan là 47.160.720 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh số 31*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	5.315.021.209	6.624.027.708
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	2.537.273.275	15.979.275
Cho vay và lãi cho vay ngắn hạn các công ty	587.158.342	583.716.823
Cho các công ty khác mượn không tính lãi	189.410.889	118.269.668
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	5.445.728	15.794.000
Các khoản khác	35.301.857	44.332.701
TỔNG CỘNG	8.669.611.300	7.402.120.175

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	456.296.301	494.578.112
Thành phẩm	18.300.298	16.387.335
Hàng hóa	43.986.513	60.827.370
Sản phẩm dở dang	36.027.776	65.714.682
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	21.758.241	61.683.174
Sản xuất	12.517.763	3.969.225
Dịch vụ	1.751.772	62.283
Nguyên vật liệu	497.890	578.765
Vật liệu xây dựng	10.862.070	7.216.926
Công cụ, dụng cụ	1.300.106	1.196.530
TỔNG CỘNG	567.270.954	646.499.720

Bao gồm trong chi phí của các căn hộ đang xây để bán, dự án Bàu Thạc Gián đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 24).

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	169.523.836	107.361.197
Các khoản khác	50.120	312.161
TỔNG CỘNG	169.573.956	107.673.358

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

							Ngàn VNĐ
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	312.353.074	43.907.356	56.567.388	7.025.413	6.698.345	2.691.390	429.242.966
Tăng trong kỳ	14.548.188	13.409.832	35.503	453.981	11.096	-	28.458.600
Thanh lý trong kỳ	(4.780.874)	(629.981)	(487.131)	(159.982)	-	(334.587)	(6.392.555)
Giảm khác trong kỳ (*)	(421.355)	(2.102.003)	(334.334)	(3.138.300)	(39.069)	(199.941)	(6.235.002)
Phân loại lại	(2.570.230)	5.740.479	(8.676.820)	704.719	19.068	(821.191)	(5.603.975)
Số dư cuối kỳ	319.128.803	60.325.683	47.104.606	4.885.831	6.689.440	1.335.671	439.470.034
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu kỳ	41.225.456	16.190.589	19.276.146	3.511.352	2.052.992	1.246.802	83.503.337
Tăng trong kỳ	4.696.231	2.886.930	2.634.709	516.231	481.188	101.815	11.317.104
Thanh lý trong kỳ	(314.501)	(334.156)	(99.385)	(143.019)	-	(334.587)	(1.225.648)
Giảm khác trong kỳ (*)	(159.640)	(977.298)	(143.141)	(1.274.632)	(22.158)	(176.347)	(2.753.216)
Phân loại lại	(7.371)	1.155.024	(5.873.818)	(738.680)	(139.130)	-	(5.603.975)
Số dư cuối kỳ	45.440.175	18.921.089	15.794.511	1.871.252	2.372.892	837.683	85.237.602
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	271.127.618	27.716.767	37.291.242	3.514.061	4.645.353	1.444.588	345.739.629
Số dư cuối kỳ	273.688.628	41.404.594	31.310.095	3.014.579	4.316.548	497.988	354.232.432
Trong đó:							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18 và 24)</i>	273.688.628	41.404.594	-	-	-	-	315.093.222

(*) Phân loại lại theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	91.690.405	5.429.406	97.119.811
Giảm trong kỳ	-	(513.999)	(513.999)
Số dư cuối kỳ	<u>91.690.405</u>	<u>4.915.407</u>	<u>96.605.812</u>
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.447.127	2.447.127
Tăng trong kỳ	-	337.332	337.332
Giảm trong kỳ	-	(451.625)	(451.625)
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>2.332.834</u>	<u>2.332.834</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	<u>91.690.405</u>	<u>2.982.279</u>	<u>94.672.684</u>
Số dư cuối kỳ	<u>91.690.405</u>	<u>2.582.573</u>	<u>94.272.978</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18 và 24)</i>	91.690.405	-	91.690.405

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Chi phí triển khai phần mềm SAP	126.636.447	121.929.088
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.679.866	41.379.565
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.377.781
Các công trình xây dựng khác	<u>14.041.674</u>	<u>13.505.779</u>
TỔNG CỘNG	<u>189.747.768</u>	<u>200.192.213</u>

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 10.406.628 ngàn VNĐ (kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 11.425.553 ngàn VNĐ). Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc phát triển các dự án căn hộ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây cao su	Đang hoạt động	91,18	3.638.100.000	91,18	3.331.783.464
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,18	3.253.537.647	99,41	3.294.129.247
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,73	1.530.303.300	92,63	1.527.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	88,71	113.486.248	79,85	100.986.248
<i>Các công ty con đang trong giai đoạn tái cấu trúc</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	94.740.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông (i)	Bất động sản	Đang hoạt động	49,00	40.591.600	-	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (ii)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai (ii)	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	94,50	977.486	94,50	280.000
TỔNG CỘNG				10.024.143.133		9.697.066.228

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại công ty con này.

(ii) Trước hoạt động thể hiện tình hình các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013			Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	7.500.000	750.000	25,00	7.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				12.500.000			12.500.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Cho vay Chính phủ Lào (i)	189.481.775	186.471.568
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu (ii)	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
TỔNG CỘNG	288.175.329	285.165.122
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	282.175.329	285.165.122

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số nợ gốc đầu kỳ	8.958.949	14.055.426
Gõ nhận về trong kỳ	-	(96.477)
Được hoàn trả tiền trong kỳ	-	(5.000.000)
Số dư nợ gốc cuối kỳ	8.958.949	8.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	189.481.775	186.471.568

(ii) Dự án Hải Châu đã được thế chấp để vay ngân hàng (Thuyết minh số 24).

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số dư đầu kỳ	136.460.631	147.664.638
Tăng trong kỳ	12.930.914	57.292.771
Chi phí phân bổ trong kỳ	(34.457.273)	(68.533.172)
Điều chỉnh chi phí phát hành của trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	(74.089.398)	-
Phân loại lại	-	36.394
Số dư cuối kỳ	40.844.874	136.460.631

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 18.1)	1.277.804.486	439.957.713
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh 18.2)	1.100.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	101.576.434	639.841.471
TỔNG CỘNG	<u>2.479.380.920</u>	<u>1.079.799.184</u>

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Thời hạn thanh toán và đảo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 4,9,11,12 và 13)
Ngân VNĐ				
<i>Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 197/12/NHNT, 28/8/2012	303.367.702	9 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Vườn cây cao su tại Gia Lai, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản thuộc Khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 165/12/NHNT, 3/7/2012	33.460.180	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Vườn cây cao su tại Gia Lai, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản thuộc Khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 186/12/NHNT, 18/7/2012	32.619.241	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Vườn cây cao su tại Gia Lai, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản thuộc Khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 293/12/NHNT, 29/10/2012	29.545.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Vườn cây cao su tại Gia Lai, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản thuộc Khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 356/12/NHNT, 24/12/2012	21.300.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất thả nổi	Vườn cây cao su tại Gia Lai, quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản thuộc Khách sạn HAGL Plaza Đà Nẵng
TỔNG CỘNG VIETCOMBANK	<u>420.292.123</u>			
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐ.HMTT, 10/6/2013	857.512.363	Ngày 10 tháng 7 năm 2013	7,5% /năm	Tiền gửi có kì hạn 1.074.970 triệu đồng
TỔNG CỘNG	<u>1.277.804.486</u>			

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd, một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 triệu VNĐ/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày đến hạn: Ngày đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 25.000 VNĐ/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi suất tiền gửi cộng 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi suất tiền gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần vay ngắn hạn của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (*Thuyết minh số 18*).
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	90.939.400	165.303.247
Phải trả nhà thầu	164.873	39.843.110
Phải trả mua máy móc thiết bị	456.369	1.901.105
TỔNG CỘNG	91.560.642	207.047.462

Phải trả cho người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan tổng cộng là 14.658.590 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh số 31*).

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Khách hàng thương mại trả tiền trước	504.002.123	203.936.821
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	97.886.157	85.376.437
TỔNG CỘNG	601.888.280	289.313.258

Người mua trả tiền trước bao gồm các bên liên quan trả tiền trước là 488.349.121 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh số 31*).

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30.1</i>)	32.642.546	36.707.117
Thuế thu nhập cá nhân	790.528	1.080.516
Thuế giá trị gia tăng	446.265	479.545
Các khoản phải nộp khác	160.162	403.972
TỔNG CỘNG	34.039.501	38.671.150

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí đi vay	304.219.738	359.057.566
Các khoản khác	6.364.710	8.912.720
TỔNG CỘNG	310.584.448	367.970.286

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.772.676.750	1.907.735.410
Các khoản khác	21.960.114	31.950.638
TỔNG CỘNG	2.794.636.864	1.939.686.048

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 24.1</i>)	3.196.073.000	3.580.000.000
Trái phiếu hoán đổi (<i>Thuyết minh số 24.2</i>)	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 24.3</i>)	237.095.350	294.665.701
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.100.000.000
Trái phiếu quốc tế (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	-	1.520.711.335
TỔNG CỘNG	4.563.168.350	7.625.377.036
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)</i>	101.576.434	639.841.471
<i>Nợ dài hạn</i>	4.461.591.916	6.985.535.565

24.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường bao gồm các khoản trái phiếu trị giá 500 tỷ VNĐ, 850 tỷ VNĐ, 1.700 tỷ VNĐ và 146.073 triệu VNĐ được phát hành bởi Công ty như sau:

Ngày 28 tháng 12 năm 2011, Công ty phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 500 tỷ đồng (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng). Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2011 với lãi suất là 18% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Gia Lai và cộng với biên độ 4%/năm. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án của Công ty bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; trồng mới và chăm sóc 9.950 ha cao su tại tỉnh Attapeu, Lào; xây dựng nhà máy đường với công suất 7.000 tấn mía/ngày, nhà máy nhiệt điện với công suất 30 MW và nhà máy sản xuất ethanol và phân vi sinh và xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Kông 2 với công suất 66MW. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là một phần quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 10.000 ha thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Ngày 25 tháng 4 năm 2012, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.500 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do công ty TNHH Chứng khoán ACB thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau năm (5) năm với lãi suất là 18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm. Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín, Công ty TNHH chứng khoán ACB và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam căn cứ theo các hợp đồng ngày 26/04/2012, hợp đồng số 01/HĐMBTP.12 ngày 14/05/2012 và hợp đồng số 1506/2012/HĐ/EIB-HAGL ngày 18/06/2012 với số tiền thu được lần lượt là 450 tỷ VNĐ, 450 tỷ VNĐ và 800 tỷ VNĐ. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 1.700 tỷ VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su tại tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh tại tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào; dự án thủy điện Đắc Srông 3A, công suất 10,2MW, tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Việt Nam; dự án thủy điện Nậm Kông 2, công suất 66MW, tại huyện Phou Vong, tỉnh Attapeu, Lào và tái cấu trúc nợ vay của Công ty. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 72,7 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2012, Công ty đã phát hành đợt trái phiếu thường trị giá 850 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ được hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 17 tháng 8 năm 2015. Trái phiếu này chịu lãi suất 16%/năm cho kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ, trả sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Chi nhánh của bốn Ngân hàng thương mại tại tỉnh Gia Lai gồm: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tỉnh Gia Lai và Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tỉnh Gia Lai tại mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất cộng (+) biên độ 5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 17 tháng 2 và ngày 17 tháng 8. Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất với quy mô 4.897,54 ha thuộc quyền sở hữu Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh, công ty con tại tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 450 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000 VNĐ) do công ty TNHH Chứng khoán ACB thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 15% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông của ba tháng gần nhất cộng biên độ lãi suất 6%/năm. Cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông theo hợp đồng số 01/2013/HĐMBTP/OCB-DT ngày 25 tháng 4 năm 2013 với số tiền thu được là 146.073 triệu VNĐ. Tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Các trái phiếu trên được đảm bảo bằng 13,34 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và 121 nền đất thuộc dự án Minh Tuấn tại phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp các nền đất trên được bán, 30% dòng tiền thu được sẽ được dùng làm tài sản thế chấp thay thế cho các nền đất đã bán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VNĐ cho Northbrooks Investments (Mauritius) Pte Ltd với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VNĐ.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.
- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)ⁿ

Trong đó "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%, "n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày phát hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày phát hành, tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày phát hành.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.

24.3 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	189.527.037	227.491.815
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	35.297.812	43.997.812
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	10.500.000	14.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.770.501	8.676.074
TỔNG CỘNG	237.095.350	294.665.701

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Thời hạn thanh toán và đảo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11, 12 và 16)</i>
	<i>Ngàn VNĐ</i>			
<i>Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/5/2009	129.058.287	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bà Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại Hào Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	36.562.500	Hoàn trả trong vòng 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng trong 1 tháng đầu, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,36%/tháng	Đất tại Phần Lãng, An Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng
Hợp đồng vay số 7683, 6/8/2007	23.906.250	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán hàng quý làm 32 lần, lần đầu vào 12/2009	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại Nguyễn Văn Linh, Hải Châu, Đà Nẵng
TỔNG CỘNG SACOMBANK	189.527.037			
<i>Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 140/05A/NHNT, 27/6/2006	32.897.812	120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	Lãi suất thả nổi	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Hợp đồng tín dụng số 125/10/NHNT, 25/6/2010	2.400.000	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	13%/năm và thay đổi theo lãi suất của Vietcombank	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG VIETCOMBANK	35.297.812			

THUYẾT MINH CÁC BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 Ngàn VNĐ	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11, 12 và 16)
<i>Vietinbank, Chi nhánh Gia Lai</i> Hợp đồng tín dụng số 99/HĐTD, 25/8/2006	<u>10.500.000</u>	96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào 25/03/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/ năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1 tháng 2 và 1 tháng 8)	Toàn bộ tài sản của khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i> Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐ, 05/9/2008	1.770.501	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn 18 tháng và thời gian trả nợ 42 tháng	150% lãi suất cơ bản và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng	Tòa nhà hội sở chính HAGL tại Gia Lai
TỔNG CỘNG	<u>237.095.350</u>			

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để xây dựng và phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ và mua sắm máy móc và thiết bị.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2012	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	219.861.914	1.430.847.985	9.213.111.104
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	700.904.590	-	-	-	(700.904.590)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	46.159.726	46.159.726
Trích lập quỹ	-	-	-	2.307.986	(3.692.781)	(1.384.795)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(1.125.000)	(1.125.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	222.169.900	771.285.340	9.256.761.035

Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu cũ được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu để chia cổ tức được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2011. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và giảm lợi nhuận chưa phân phối 700.904.590 ngàn VNĐ. Ngày 11 tháng 5 năm 2012, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi (20) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 5.373.710.490 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu (*)	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế (**)	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	81.341.444	81.341.444
Trích lập quỹ	-	-	-	4.067.072	(6.507.315)	(2.440.243)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(457.800)	(457.800)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	227.739.764	873.234.264	11.835.582.479

(*) Công ty đã chào bán 107.474.210 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu tại ngày 8 tháng 4 năm 2013 theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 (năm) cổ phần sẽ được quyền mua 1 (một) cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0401/13/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 4 tháng 1 năm 2013 và giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2013 cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 3 tháng 6 năm 2013, Công ty đã nhận đủ 1.074.742.100 ngàn VNĐ cho việc phát hành này. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần và tăng tiền tương ứng. Chi phí phát hành số cổ phiếu này số tiền 22.142.330 ngàn VNĐ đã được ghi nhận vào thặng dư âm vốn cổ phần.

(**) Ngày 28 tháng 5 năm 2013, Công ty đã phát hành riêng lẻ 73.309.434 cổ phần phổ thông để chuyển đổi 75 triệu Đô la Mỹ trái phiếu quốc tế. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0401/13/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 4 tháng 1 năm 2013, công văn số 1551/UBCK-QLPH ngày 23 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và hợp đồng chuyển đổi ngày 10 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 733.094.340 ngàn VNĐ, tăng thặng dư vốn cổ phần 685.608.546 ngàn VNĐ sau khi đã trừ đi các chi phí thu xếp phát hành, và ghi giảm nợ vay trái phiếu quốc tế 1.562.100.000 ngàn VNĐ.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2013, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 21 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 7.181.546.930 ngàn đồng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	537.371.049
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	718.154.693	537.371.049
Cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	718.154.693	537.371.049

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngân VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Doanh thu gộp	584.436.695	1.180.445.444
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	355.152.425	975.687.262
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	101.594.324	119.162.050
<i>Doanh thu căn hộ</i>	91.914.039	47.670.660
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	35.775.907	37.925.472
Các khoản giảm trừ	(222.227)	(157.877)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(34.171)	-
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(188.056)	(157.877)
Doanh thu thuần	584.214.468	1.180.287.567
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	355.118.254	975.687.262
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	101.594.324	119.162.050
<i>Doanh thu căn hộ</i>	91.914.039	47.670.660
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	35.587.851	37.767.595

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Thu nhập từ bán các khoản đầu tư	422.294.000	17.187.565
Lãi cho vay	210.641.252	415.943.364
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.566.058	96.231.128
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.653.338	2.759.161
Cổ tức nhận được	3.500.000	1.991.600
TỔNG CỘNG	<u>675.654.648</u>	<u>534.112.818</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Giá vốn hàng hóa	307.859.707	884.166.337
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	91.423.308	114.567.577
Giá vốn căn hộ	74.982.118	37.358.305
Giá vốn dịch vụ cung cấp	29.926.137	26.647.960
TỔNG CỘNG	<u>504.191.270</u>	<u>1.062.740.179</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Chi phí đi vay	511.569.750	407.745.781
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	6.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.382.675	4.158.631
Các khoản khác	31.739.139	43.368.222
TỔNG CỘNG	<u>550.691.564</u>	<u>455.272.634</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Thu nhập khác	5.255.664	6.387.945
Doanh thu chuyển giao tài sản, máy móc trong Tập đoàn	26.200.486	8.604.649
Giá vốn tài sản, máy móc chuyển giao trong Tập đoàn	(26.200.486)	(8.604.649)
Thu nhập thanh lý tài sản	2.907.970	4.574.254
Tiền bồi thường nhận được	1.795.672	-
Các khoản khác	552.022	1.813.691
Chi phí khác	(19.488.354)	(44.946.408)
Tiền phạt thuế	(15.871.213)	(34.285.986)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(2.903.470)	(6.416.897)
Các khoản khác	(713.671)	(4.243.525)
Lỗ thuần	(14.232.690)	(38.558.463)

Nhằm tập trung hoá trong quy trình mua sắm tài sản, trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Công ty đã mua tài sản trị giá 26.200.486 ngàn đồng và chuyển giao tới các công ty con trong Tập đoàn theo giá gốc (6 tháng đầu năm 2012: 8.604.649 ngàn đồng).

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
Thuế TNDN hiện hành	33.342.031	34.006.045
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	2.145.078	9.725.439
	35.487.109	43.731.484
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	329.723	(931.501)
TỔNG CỘNG	35.816.832	42.799.983

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Lợi nhuận trước thuế	117.158.276	88.959.709
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản phạt	15.845.973	34.285.986
Các chi phí không được khấu trừ	9.334.691	11.044.079
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.318.891)	3.726.005
Thu nhập cổ tức	(3.500.000)	(1.991.600)
Các khoản khác	(4.151.924)	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	133.368.125	136.024.179
Thuế TNDN hiện hành ước tính	33.342.031	34.006.045
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	2.145.078	9.725.439
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	35.487.109	43.731.484
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	36.707.117	190.509.238
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(4.241.016)	(187.093.044)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(35.310.664)	(14.712.672)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 21)	32.642.546	32.435.006

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</i>	
	<i>kế toán tổng hợp giữa niên độ</i>		<i>doanh tổng hợp giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>6 năm 2013</i>	<i>12 năm 2012</i>	<i>6 tháng kết</i>	<i>6 tháng kết</i>
			<i>thúc ngày 30</i>	<i>thúc ngày 30</i>
			<i>tháng 6</i>	<i>tháng 6</i>
			<i>năm 2013</i>	<i>năm 2012</i>
<i>Ngàn VNĐ</i>				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	329.723	(329.723)	931.501

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	9.269.588
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	23.301.833
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	1.713.137 17.579.625
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	27.349.716 10.488.521
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.650.293
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	176.248.107
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.429.436

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua máy móc	16.423.635
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	23.752.986
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.402.999
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	647.808
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.328.324
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.200.044
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Chi phí quảng cáo	504.099 6.531.795
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Xây dựng công trình	26.532.218
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.268.837
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Mua vật tư	1.889.526 1.407.353
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	1.165.720
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	475.606 35.328.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	24.517.958 76.968.335
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay Các khoản khác	3.720.556 764.558
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	536.423 66.281.194

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số tiền</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và xây dựng	33.177.948
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	30.868.972
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	19.168.399
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	13.542.965
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Bán hàng hóa và xây dựng	8.260.958
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	7.080.217
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	6.379.726
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Bên liên quan	Hợp đồng xây dựng	4.173.740
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.369.357
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.280.349
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	1.624.969
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và xây dựng	1.261.817
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	852.552
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa	680.198
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.682.712
TỔNG CỘNG			<u>135.404.879</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	46.660.720
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Các khoản khác	500.000
TỔNG CỘNG			<u>47.160.720</u>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	3.071.733.983
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	719.853.981
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	517.949.589
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	351.178.261
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	263.553.014
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	154.598.229
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	49.917.238
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	43.700.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	36.271.709
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Công ty con	Cho mượn tạm	25.125.417
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	18.998.319
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Cho mượn tạm	18.456.294

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND Số tiền</i>
Phải thu khác (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Cho mượn tạm	8.501.700
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho mượn tạm	4.117.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Cho mượn tạm	2.972.755
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Công ty liên kết	Cho mượn tạm	2.500.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	2.483.937
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Chi phí trả hộ	1.503.616
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	1.639.200
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.175.467
TỔNG CỘNG			<u>5.315.021.209</u>
Phải trả cho người bán			
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	7.453.630
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua máy móc, thiết bị	2.321.146
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	1.181.949
Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.208.897
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	869.934
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.623.034
TỔNG CỘNG			<u>14.658.590</u>
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	124.370.492
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	99.577.756

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
<i>Người mua trả tiền trước (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	75.399.078
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	52.070.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	32.454.403
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	31.463.687
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	29.939.567
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	1.655.376
TỔNG CỘNG			<u>488.349.121</u>
<i>Các khoản phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh và vay mượn tạm	990.200.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	909.414.493
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	617.803.819
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	152.840.008
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Công ty con	Vay mượn tạm	74.667.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	16.905.126
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	944.488
TỔNG CỘNG			<u>2.772.676.750</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngàn VNĐ Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012</i>
Thù lao trong kỳ	<u>457.800</u>	<u>1.125.000</u>

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn và trồng cây công nghiệp lâu năm. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngàn VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Dưới 1 năm	893.350	893.350
Từ 1 đến 5 năm	3.573.399	3.573.399
Trên 5 năm	<u>32.876.573</u>	<u>33.319.576</u>
TỔNG CỘNG	<u>37.343.322</u>	<u>37.786.325</u>

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động đầu tư.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có khả năng gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về bất động sản và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ngàn VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		
VNĐ	+300	(125.016.318)
VNĐ	-300	125.016.318
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012		
VNĐ	+300	(17.303.569)
VNĐ	-300	17.303.569

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động thấp hơn đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế Ngàn VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	+1	3.849.944
	- 1	(3.849.944)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012	+1	(12.572.007)
	- 1	12.572.007

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro về bất động sản

Công ty đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản: (i) việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản vay trong Tập đoàn.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Cho vay

Công ty có cho các công ty con trong cùng Tập đoàn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Phúc và Chính phủ Lào vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	1.379.380.920	3.331.591.916	4.710.972.836
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	1.100.000.000	1.130.000.000	2.230.000.000
Phải trả người bán	91.560.642	-	91.560.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.105.221.312	-	3.105.221.312
	<u>5.676.162.874</u>	<u>4.461.591.916</u>	<u>10.137.754.790</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	1.079.799.184	4.755.535.565	5.835.334.749
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Phải trả người bán	207.047.462	-	207.047.462
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.303.156.334	-	2.303.156.334
	<u>3.590.002.980</u>	<u>6.985.535.565</u>	<u>10.575.538.545</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình cho các khoản vay và trái phiếu phát hành (*Thuyết minh số 18 và 24*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngàn VNĐ

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>		
Tài sản tài chính						
Cho vay	189.481.775	-	186.471.568	-	189.481.775	186.471.568
Phải thu khách hàng	260.110.634	(13.069)	266.835.767	(621.219)	260.097.565	266.214.548
Phải thu các bên liên quan	5.315.021.209	-	6.624.027.708	-	5.315.021.209	6.624.027.708
Các khoản phải thu khác	3.354.590.091	-	778.092.467	-	3.354.590.091	778.092.467
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	-	81.783.240	-	81.783.240	81.783.240
Đầu tư vào công ty khác	17.510.041	(6.000.000)	17.510.041	-	11.510.041	17.510.041
Tiền	1.770.176.886	-	782.646.261	-	1.770.176.886	782.646.261
Tổng cộng	10.988.673.876	(6.013.069)	8.737.367.052	(621.219)	10.982.660.807	8.736.745.833
Nợ phải trả tài chính						
			<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Vay và nợ			6.940.972.836	8.065.334.749	6.940.972.836	8.065.334.749
Phải trả các bên liên quan			2.772.676.750	1.907.735.410	2.772.676.750	1.907.735.410
Phải trả người bán			91.560.642	207.047.462	91.560.642	207.047.462
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác			332.544.562	395.420.924	332.544.562	395.420.924
Tổng cộng			10.137.754.790	10.575.538.545	10.137.754.790	10.575.538.545

Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã công bố phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 950 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thu xếp phát hành. Những trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm với lãi suất là 14% cho năm đầu tiên và lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố bởi bốn ngân hàng thương mại tại chi nhánh Gia Lai, bao gồm: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tỉnh Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tỉnh Gia Lai cộng với biên độ 5%/năm. Cho đến thời điểm ngày 9 tháng 7 năm 2013, Công ty đã tiến hành bán trái phiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng ngày 9 tháng 7 năm 2013 với tổng số tiền thu được là 950 tỷ VNĐ. Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn. Các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 72,66 triệu cổ phiếu của Công ty nắm giữ bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và khoản tiền gửi tiết kiệm 120 tỷ VNĐ tại Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tỉnh Gia Lai.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013